

Số: /KH-UBND

Vĩnh Bảo, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường
giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn xã Vĩnh Bảo

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035;

Thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng triển khai Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035; nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; bảo đảm các điều kiện chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần, dinh dưỡng, vệ sinh học đường; góp phần phát triển toàn diện thể lực, tầm vóc và chất lượng nguồn nhân lực.

- Tăng cường phối hợp giữa chính quyền địa phương, ngành Giáo dục, ngành Y tế, Công an, các tổ chức đoàn thể, nhà trường, gia đình và cộng đồng trong quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe người học.

- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khai thác dữ liệu sức khỏe học đường để phục vụ quản lý, cảnh báo sớm các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe học sinh.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và bảo đảm phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong tổ chức thực hiện.

- Các nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, thiết thực, phù hợp điều kiện thực tế của xã và từng cơ sở giáo dục; gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, trẻ em, dinh dưỡng, thể dục thể thao và chuyển đổi số.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý vi phạm; không làm phát sinh khoản thu trái quy định, không gây áp lực cho học sinh, cha mẹ học sinh và nhà trường.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực đúng quy định, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn xã Vĩnh Bảo.

2. Đối tượng: Trẻ em mầm non, học sinh; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn tâm lý, nhân viên nuôi dưỡng; cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh; bảo đảm phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện; từng bước hiện đại hóa công tác y tế trường học và quản lý sức khỏe học đường trên địa bàn xã Vĩnh Bảo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Duy trì và nâng tỷ lệ cơ sở giáo dục có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn theo quy định; ưu tiên trường tổ chức bán trú, trường có quy mô lớn.

- 100% cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt, có đủ thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu và phương tiện sơ cấp cứu theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn hoặc cung cấp dịch vụ ăn uống bảo đảm điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- 100% trẻ em, học sinh được theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe đầu năm hoặc khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc tối thiểu 01 lần/năm học; thông tin sức khỏe được cập nhật, quản lý theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống, nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng; khu vệ sinh đạt tiêu chuẩn, từng bước đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, hoạt động thể lực và sức khỏe tâm thần.

- 100% cơ sở giáo dục cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử cho người học theo lộ trình; tỷ lệ trẻ em, học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%.

3. Mục tiêu đến năm 2035

- Duy trì, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được; 100% dữ liệu sức khỏe học sinh được quản lý trên môi trường số và kết nối liên thông theo quy định.

- Giảm tỷ lệ thừa cân, béo phì, suy dinh dưỡng, cận thị học đường, cong vẹo cột sống và các bệnh học đường phổ biến.

- 100% cơ sở giáo dục xây dựng môi trường học tập an toàn, thân thiện, hỗ trợ sức khỏe thể chất và tinh thần cho người học.

- Phân đầu các trường có sân chơi, bãi tập, phòng chức năng hoặc nhà đa năng phù hợp, đáp ứng hoạt động giáo dục thể chất và vận động cho trẻ em, học sinh.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện công tác chỉ đạo và cơ chế phối hợp liên ngành

- Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ triển khai Chương trình; đưa chỉ tiêu sức khỏe học đường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã.

- Rà soát quy chế phối hợp giữa Phòng Văn hóa - Xã hội, Trạm Y tế, các cơ sở giáo dục, Công an xã và các tổ chức đoàn thể; xác định đầu mối, trách nhiệm, chế độ trao đổi thông tin, xử lý tình huống và báo cáo.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục; gắn kết quá trình thực hiện công tác y tế trường học với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

2. Rà soát, bố trí nhân lực và nâng cao năng lực y tế trường học

- Rà soát thực trạng nhân lực y tế trường học tại từng cơ sở giáo dục; đề xuất bố trí, sắp xếp hoặc ký hợp đồng nhân lực phù hợp quy mô, điều kiện thực tế và quy định hiện hành; ưu tiên các trường bán trú, trường có quy mô lớn.

- Đối với trường chưa bố trí được nhân viên y tế chuyên trách, tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp với Trạm Y tế xã để bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu và quản lý sức khỏe học sinh.

- Cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế, nhân viên nuôi dưỡng và người làm công tác tư vấn tâm lý tham gia tập huấn về y tế trường học, sơ cấp cứu, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, nhận diện sớm vấn đề tâm lý và các nguy cơ đối với trẻ em.

3. Đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất và điều kiện vệ sinh học đường

- Tổ chức rà soát phòng y tế, tủ thuốc, thuốc thiết yếu, thiết bị y tế, dụng cụ sơ cấp cứu, hồ sơ sức khỏe, công trình nước sạch, nhà vệ sinh, ánh sáng học đường, bếp ăn bán trú, sân chơi, bãi tập tại tất cả các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng danh mục, lộ trình ưu tiên sửa chữa, nâng cấp; bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, đề án và huy động nguồn lực hợp pháp

để bảo đảm phòng y tế riêng biệt, nước sạch, khu vệ sinh đạt chuẩn và thân thiện với người khuyết tật.

- Nâng cấp bếp ăn, kho, khu sơ chế, chế biến, dụng cụ và trang thiết bị phục vụ bữa ăn học đường; bảo đảm quy trình một chiều, vệ sinh, an toàn thực phẩm và phòng chống cháy nổ.

4. Nâng cao chất lượng chăm sóc, phòng bệnh và quản lý sức khỏe người học

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc tối thiểu 01 lần/năm học; thực hiện phân loại, theo dõi, tư vấn, thông báo kết quả phù hợp cho cha mẹ học sinh và phối hợp chuyển tuyến khi cần thiết.

- Chủ động giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm, bệnh học đường, bệnh không lây nhiễm, tai nạn thương tích và các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh.

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng, thể lực, tầm vóc; hướng dẫn chế độ ăn, vận động, nghỉ ngơi hợp lý; phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, thiếu vi chất, cận thị, cong vẹo cột sống và bệnh răng miệng.

- Tăng cường tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe tinh thần; phát hiện sớm trường hợp có biểu hiện căng thẳng, lo âu, trầm cảm, bạo lực học đường, xâm hại, nghiện trò chơi điện tử, sử dụng thuốc lá điện tử hoặc chất gây nghiện để phối hợp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

5. Bảo đảm dinh dưỡng học đường, an toàn thực phẩm và bữa ăn bán trú

- Quản lý bữa ăn học đường theo hướng an toàn, cân đối dinh dưỡng, phù hợp lứa tuổi, thể trạng và điều kiện thực tế; khuyến khích sử dụng phần mềm xây dựng thực đơn, phân tích khẩu phần.

- Thực hiện nghiêm việc lựa chọn, ký kết và giám sát đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn, nước uống; bảo đảm truy xuất nguồn gốc, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn, vệ sinh khu vực chế biến, nhà ăn, kho bảo quản và người trực tiếp chế biến.

- Công khai thực đơn, nguồn gốc thực phẩm, định lượng suất ăn, giá dịch vụ và kết quả kiểm tra; phát huy vai trò giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh theo đúng quy định.

6. Truyền thông, giáo dục sức khỏe và xây dựng trường học an toàn

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về vệ sinh cá nhân, dinh dưỡng hợp lý, vận động thể lực, phòng chống dịch bệnh, cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng và chăm sóc sức khỏe tâm thần.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng sơ cứu, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực, bắt nạt học đường và trên môi trường mạng, xâm hại trẻ em; phòng chống tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu bia và chất gây nghiện.

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình trường học an toàn, trường học nâng cao sức khỏe, y tế trường học thân thiện; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Cập nhật đầy đủ thông tin sức khỏe học sinh vào hồ sơ, sổ sức khỏe điện tử theo hướng dẫn; phối hợp xác thực, kết nối dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống chuyên ngành.
- Ứng dụng phần mềm trong quản lý dinh dưỡng, tính toán khẩu phần, xây dựng thực đơn, theo dõi chỉ số thể lực, thống kê và cảnh báo nguy cơ sức khỏe.
- Số hóa tài liệu truyền thông; xây dựng dữ liệu về phòng y tế, nước sạch, nhà vệ sinh, bếp ăn, sân chơi, bãi tập và trang thiết bị y tế trường học để phục vụ chỉ đạo, kiểm tra.

8. Kiểm tra liên ngành và huy động nguồn lực

- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về y tế trường học, vệ sinh môi trường, chất lượng nước, an toàn thực phẩm tại bếp ăn bán trú, căng tin; lập biên bản, yêu cầu khắc phục và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
- Lồng ghép nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình, đề án liên quan; huy động tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe học đường.
- Việc xã hội hóa phải bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng quy định; tuyệt đối không đặt ra khoản thu trái quy định hoặc gây áp lực cho người học và cha mẹ học sinh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; kinh phí được lồng ghép trong các chương trình, đề án, dự án liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Nguồn tài trợ, đóng góp, ủng hộ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.
- Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí phải đúng quy định pháp luật về ngân sách, tài chính, đầu tư công; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công khai, minh bạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

- Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND xã chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; phối hợp Trạm Y tế và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm, triển khai chỉ tiêu, nhiệm vụ sức khỏe học đường.
- Chủ trì rà soát nhân lực, cơ sở vật chất, điều kiện y tế trường học; tham mưu đề xuất ưu tiên đầu tư, sửa chữa, bổ sung; hướng dẫn các trường thực hiện chế độ báo cáo.
- Phối hợp tổ chức tập huấn, truyền thông, kiểm tra liên ngành; tổng hợp báo cáo UBND xã và cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Trạm Y tế xã

- Hướng dẫn chuyên môn y tế trường học; phối hợp các trường tổ chức khám sức khỏe, khám sàng lọc, theo dõi dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Hỗ trợ chuyên môn cho các trường chưa có nhân viên y tế chuyên trách; phối hợp cập nhật dữ liệu sức khỏe điện tử, rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù liều theo hướng dẫn.

- Phối hợp kiểm tra vệ sinh trường học, nước sạch, an toàn thực phẩm; tư vấn xử lý, chuyển tuyến các trường hợp cần can thiệp.

3. Phòng kinh tế xã

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu bố trí kinh phí thực hiện; hướng dẫn lập dự toán, quản lý, thanh quyết toán đúng quy định.

4. Phòng Xây dựng- Nông nghiệp và môi trường.

- Phối hợp rà soát, tham mưu sửa chữa, nâng cấp phòng y tế, công trình nước sạch, nhà vệ sinh, bếp ăn, sân chơi, bãi tập và các hạng mục cấp thiết tại trường học.

4. Công an xã

- Phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn trường học; tuyên truyền phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, ma túy, thuốc lá điện tử và tệ nạn xã hội.

- Phối hợp bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng đối với hồ sơ sức khỏe điện tử; tham gia kiểm tra liên ngành khi được yêu cầu.

5. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm và theo giai đoạn; phân công rõ trách nhiệm của người đứng đầu, nhân viên y tế, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên thể chất, nhân viên nuôi dưỡng và các bộ phận liên quan.

- Thực hiện đầy đủ quy định về khám sức khỏe, quản lý hồ sơ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng, nước sạch, vệ sinh, hoạt động thể lực, tư vấn tâm lý và phòng chống tai nạn thương tích.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh và Trạm Y tế xã; kịp thời thông tin, tư vấn, hỗ trợ học sinh có vấn đề sức khỏe, tâm lý, dinh dưỡng hoặc nguy cơ mất an toàn.

- Rà soát nhu cầu cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực; báo cáo Ủy ban nhân dân xã trước ngày 10/11/2026 để tổng hợp và cập nhật khi có thay đổi.

- Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã trước ngày 10/11.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cha mẹ học sinh và Nhân dân tham gia chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe trẻ em; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan.

- Tổ chức hoạt động rèn luyện thể chất, kỹ năng sống, phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em và chăm sóc sức khỏe tinh thần phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

7. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và gửi Ủy ban nhân dân xã (qua văn bản điện tử) trước ngày 10/8/2026.

- Định kỳ hằng năm, các cơ sở giáo dục và đơn vị liên quan gửi báo cáo kết quả trước ngày 10/11; Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 20/11.

- Thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu hoặc khi phát sinh vụ việc nghiêm trọng về dịch bệnh, an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại hoặc nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe học sinh.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị, trường học nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị, trường học;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hà

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC
ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026-2035

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Vĩnh Bảo)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả
1	Ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch hằng năm; đưa chỉ tiêu sức khỏe học đường vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.	UBND xã	Phòng VHXX, Trạm Y tế, các trường	Hằng năm	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo
2	Rà soát, bố trí nhân lực y tế trường học; ưu tiên trường bán trú, trường quy mô lớn.	UBND xã	Phòng VHXX, Trạm Y tế, các trường	Thường xuyên	Báo cáo rà soát; phương án bố trí
3	Tập huấn y tế trường học, sơ cấp cứu, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Phòng VHXX	Trạm Y tế, các trường	Hằng năm	Lớp tập huấn; tài liệu; danh sách học viên
4	Rà soát, sửa chữa phòng y tế, nước sạch, nhà vệ sinh, ánh sáng; bổ sung thuốc và thiết bị thiết yếu.	UBND xã	Các trường, bộ phận tài chính	2026-2030 và thường xuyên	Danh mục, dự toán, hạng mục hoàn thành
5	Nâng cấp bếp ăn, dụng cụ phục vụ bữa ăn bán trú bảo đảm ATTP và dinh dưỡng.	UBND xã	Trạm Y tế, các trường	Thường xuyên	Bếp ăn đạt yêu cầu; biên bản kiểm tra
6	Khám sức khỏe, khám sàng lọc; theo dõi dinh dưỡng và cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử.	Trạm Y tế	Các trường, Phòng VHXX	Hằng năm	Hồ sơ khám; dữ liệu sức khỏe được cập nhật
7	Truyền thông về bệnh học đường, dinh dưỡng, sức khỏe tâm thần, phòng chống bạo lực, xâm hại, thuốc lá điện tử.	Các trường	Trạm Y tế, Công an, đoàn thể	Thường xuyên	Chuyên đề, tài liệu, hoạt động truyền thông
8	Tổ chức tư vấn tâm lý học đường; phát hiện sớm và hỗ trợ học sinh có nguy cơ.	Các trường	Trạm Y tế, đoàn thể	Thường xuyên	Tổ/bộ phận tư vấn hoạt động hiệu quả
9	Kiểm tra liên ngành về y tế trường học, ATTP, nước sạch, vệ sinh và môi trường học đường.	UBND xã	Trạm Y tế, Phòng VHXX, Công an	Ít nhất 01 lần/năm và đột xuất	Biên bản, báo cáo, yêu cầu khắc phục
10	Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.	Phòng VHXX	Các cơ quan, trường học	Trước 20/11 hằng năm	Báo cáo UBND xã và Sở GDĐT

PHỤ LỤC II
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI
ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Vĩnh Bảo)

STT	Chỉ tiêu chủ yếu	2026	2027	2028	2029	2030
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm chuyên môn theo quy định.	30%	35%	40%	45%	50%
2	Tỷ lệ trường bán trú có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm chuyên môn theo quy định.	80%	85%	90%	95%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt, đủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu.	80%	85%	90%	95%	100%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng.	90%	95%	100%	100%	100%
5	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có tổ chức ăn uống bảo đảm điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm.	95%	97%	98%	100%	100%
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ.	100%	100%	100%	100%	100%
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh.	60%	70%	80%	90%	95%
8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh cho người học đạt tiêu chuẩn.	75%	85%	90%	100%	100%
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.	20%	50%	70%	90%	100%
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức truyền thông, giáo dục về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và sức khỏe tâm thần.	70%	80%	90%	100%	100%
11	Tỷ lệ trẻ em, học sinh được kiểm tra sức khỏe đầu năm hoặc khám sàng lọc định kỳ và cập nhật Sổ sức khỏe điện tử.	90%	95%	100%	100%	100%